

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 27-4-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Duy Khương
- Ông Nguyễn Thành Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Vào tháng 01 năm 2021 bà Nguyễn Thị M có cho bà Nguyễn Thị Trúc X vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 5%, bà X chỉ mới đóng lãi cho bà M được 01 tháng rồi không đóng nữa. Khoảng hơn 01 tháng sau bà M đòi lại 30.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng. Đến ngày 12-5-2021 thì bà X có làm biên nhận thừa nhận còn nợ lại bà M 30.000.000 đồng và 1.500.000 đồng lãi, tổng cộng gốc lãi là 31.500.000 đồng và hứa đến mùa lúa vụ 2 năm 2021 sẽ trả hết số tiền trên cho bà M. Từ thời gian đó cho đến nay bà X có trả cho bà M được 2.000.000 đồng trừ vào nợ gốc. Còn lại 28.000.000 đồng nợ gốc và 1.500.000 đồng

nợ lãi. Tại đơn khởi kiện bà M yêu cầu bà X trả cho bà M số tiền 31.500.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 12-5-2021 cho đến khi xét xử. Nay bà M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà X trả cho bà số tiền nợ gốc là 28.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc X trình bày tại bản tự khai:* Bà X xác nhận bà có vay của bà M số tiền 60.000.000 đồng và đã trả được 32.000.000 đồng, còn lại 28.000.000 đồng. Hiện nay bà đang đi trị bệnh nên không có tiền trả cho bà M.

Tại phiên tòa bà X vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 18-11-2022 bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc X trả cho bà M số tiền vay còn nợ là 31.500.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc X không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 1.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu bà X trả cho bà số tiền gốc là 28.000.000 đồng, Tòa án nhận thấy: Vào năm 2021, bà X có vay tiền của bà M với số tiền 60.000.000 đồng và đã trả được 32.000.000 đồng, còn lại 28.000.000 đồng. Tại bản tự khai bà X cũng thừa nhận hiện nay bà còn nợ tiền vay của bà M tổng cộng là 28.000.000 đồng nhưng không có tiền trả cho bà M.

Do đó, việc bà M yêu cầu bà X trả số tiền nợ vay 28.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 2.000.000

đồng và tiền lãi là 1.500.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX đình chỉ đối với các yêu cầu này là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M; buộc bà Nguyễn Thị Trúc X phải trả cho bà M số tiền nợ vay là 28.000.000 đồng.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà M là: 28.000.000 đồng x 5% = 1.400.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 800.000 đồng cho bà M theo biên lai thu số 0005213 ngày 13-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.
2. Buộc bà Nguyễn Thị Trúc X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ vay là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà X không trả số tiền trên thì còn phải trả cho bà M khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị Trúc X về số tiền nợ gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 1.500.000 đồng và về yêu cầu tính lãi suất.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc X có nghĩa vụ nộp án phí là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 800.000 đồng cho bà M theo biên lai thu số 0005213 ngày 13-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

